

Số: 75/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 18 tháng 10 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất,  
dự án có sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích khác trong năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 23/9/2022 và Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông quan danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa vào các mục đích trong năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận chủ trương thu hồi đất của 19 dự án với diện tích 30,22 ha và 05 dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 1,84 ha.

*(Kèm theo phụ lục danh mục các dự án)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khoá VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, TNMT, KHĐT;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Đăng Quang**

## Phụ lục I

## DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân tỉnh)



| TT                           | Tên dự án                                                                                          | Chủ đầu tư                         | Diện tích (ha) | Vị trí, địa điểm  |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|-------------------|
| <b>I Thành phố Đông Hà</b>   |                                                                                                    |                                    |                |                   |
| 1                            | Xây dựng mới vườn hoa mi ni tại khu vực chợ phường 3 cũ                                            | Trung tâm KC&DV công ích thành phố | 0,11           | Phường 3          |
| 2                            | Xây dựng công viên mi ni trên địa bàn thành phố                                                    | Trung tâm KC&DV công ích thành phố | 0,22           | Phường 3          |
| 3                            | Xây dựng công viên mi ni trên địa bàn thành phố                                                    | Trung tâm KC&DV công ích thành phố | 0,25           | Phường 5          |
| 4                            | Xây dựng công viên mi ni trên địa bàn thành phố                                                    | Trung tâm KC&DV công ích thành phố | 0,06           | Phường Đông Lương |
| 5                            | Xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung                                                              | Trung tâm KC&DV công ích thành phố | 0,50           | Phường Đông Lễ    |
| <b>II Huyện Vĩnh Linh</b>    |                                                                                                    |                                    |                |                   |
| 1                            | Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư thôn Tân Hòa                                                    | Ban QLDA ĐT -XD và PTQĐ huyện      | 1,30           | Xã Vĩnh Thái      |
| 2                            | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố Phú Thị Đông (khóm 3, giai đoạn 2), khu dân cư khu phố 6 | UBND thị trấn Hồ Xá                | 0,40           | TT Hồ Xá          |
| 3                            | Cơ sở hạ tầng phục vụ đầu giá khu đất phía tây bắc KDC Hòa Lý Hai                                  | UBND thị trấn Cửa Tùng             | 1,70           | TT Cửa Tùng       |
| <b>III Huyện Triệu Phong</b> |                                                                                                    |                                    |                |                   |
| 1                            | Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong                               | Ban quản lý DADTXD và PTQĐ huyện   | 0,71           | Thị trấn Ái Tử    |
|                              |                                                                                                    |                                    | 0,15           | Xã Triệu Long     |
| 2                            | Cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Đông Ái Tử, hạng mục: Đường giao thông tuyến RD-03, RD -36           | Ban quản lý DADTXD và PTQĐ huyện   | 0,08           | Xã Triệu Ái       |

|            |                                                                                      |                                                     |  |              |                           |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--|--------------|---------------------------|
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Hải Lăng</b>                                                                |                                                     |  | <b>14,86</b> |                           |
| 1          | Trạm biến áp 500 kV Quảng Trị và đường dây đầu nối Quảng Trị - rẽ Vũng Áng - Đà Nẵng | Truyền tải điện Quốc gia                            |  | 14,38        | Xã Hải Trường, xã Hải Sơn |
| 2          | Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Hải Chánh                           | Ban quản lý DADTXD&PTQĐ huyện Hải Lăng              |  | 0,48         | Cụm công nghiệp Diên Sanh |
| <b>V</b>   | <b>Huyện Cam Lộ</b>                                                                  |                                                     |  | <b>8,46</b>  |                           |
| 1          | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Cam Hiếu                            | Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp và Khuyến công |  | 8,46         | Cụm công nghiệp Cam Hiếu  |
| <b>VI</b>  | <b>Huyện Đakrông</b>                                                                 |                                                     |  | <b>1,31</b>  |                           |
| 1          | Cấp nước sinh hoạt xã A Vao                                                          | Đoàn KTQP 337                                       |  | 0,70         | Xã A Vao                  |
| 2          | Đường giao thông vào thác Ba Vòi                                                     | Ban QLDDA đầu tư xây dựng tỉnh                      |  | 0,17         | Xã Hướng Hiệp             |
| 3          | Dự án Thủy điện Đakrông 3 (Hạng mục đường dây 35kV)                                  | Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Sơn                |  | 0,15         | Xã Tà Long                |
| 4          | Dự án Thủy điện Đakrông 4 (Hạng mục ngạch hầm)                                       | Công ty Cổ phần Sơn Hải Thủy điện Quảng Trị         |  | 0,29         | Xã Đakrông                |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Hướng Hóa</b>                                                               |                                                     |  | <b>0,11</b>  |                           |
| 1          | Trạm y tế thị trấn Khe Sanh                                                          | UBND huyện Hướng Hóa                                |  | 0,07         | Thị trấn Khe Sanh         |
| 2          | Trạm y tế xã Hướng Tân                                                               | UBND huyện Hướng Hóa                                |  | 0,04         | Xã Hướng Tân              |
|            | <b>Cộng</b>                                                                          |                                                     |  | <b>30,22</b> |                           |

| STT | Tên dự án                                                                                          | Chủ đầu tư                                  | Diện tích (ha) | Trong đó      |                   |                   | Vị trí, địa điểm |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------|-------------------|------------------|
|     |                                                                                                    |                                             |                | Đất trồng lúa | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng |                  |
| I   | Thành phố Đông Hà                                                                                  |                                             | 0,50           | 0,50          |                   |                   |                  |
| I   | Xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung                                                              | Trung tâm KC&DV công ích thành phố          | 0,50           | 0,50          |                   |                   | Phường Đông Lễ   |
| II  | Huyện Vĩnh Linh                                                                                    |                                             | 0,40           | 0,40          |                   |                   |                  |
| I   | Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố Phú Thị Đông (khóm 3, giai đoạn 2), khu dân cư khu phố 6 | UBND thị trấn Hồ Xá                         | 0,40           | 0,40          |                   |                   | TT Hồ Xá         |
| III | Huyện Triệu Phong                                                                                  |                                             | 0,65           | 0,65          |                   |                   |                  |
| I   | Cửa hàng xăng dầu và dịch vụ tổng hợp Sơn Dũng                                                     | Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị         | 0,50           | 0,50          |                   |                   | Xã Triệu Ái      |
| 2   | Quy hoạch khu dân cư trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Triệu Phong                               | Ban quản lý DADTXD và PTQĐ huyện            | 0,15           | 0,15          |                   |                   | Xã Triệu Long    |
| IV  | Huyện Đakrông                                                                                      |                                             | 0,29           |               |                   | 0,29              |                  |
| I   | Dự án Thủy điện Đakrông 4 (Hạng mục nhánh hầm)                                                     | Công ty Cổ phần Sơn Hải Thủy điện Quảng Trị | 0,29           |               |                   | 0,29              | Xã Đakrông       |
|     | Cộng                                                                                               |                                             | 1,84           | 1,55          |                   | 0,29              |                  |

